

HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN (AIS)



TS. Phạm Đức Cường
Khoa Kế toán
Đại học Kinh tế quốc dân

NỘI DUNG MÔN HỌC



- ❖ **Chương 1: Khái quát chung về AIS**
- ❖ **Chương 2: IT và AIS**
- ❖ **Chương 3: Các công cụ mô tả AIS**
- ❖ **Chương 4: Chứng từ kế toán**
- ❖ **Chương 5: Sổ kế toán**
- ❖ **Chương 6: Chu trình kế toán mua hàng**
- ❖ **Chương 7: Chu trình kế toán quá trình sản xuất**
- ❖ **Chương 8: Chu trình kế toán bán hàng**
- ❖ **Chương 9: Chu trình liên quan đến nguồn nhân lực**
- ❖ **Chương 10: Kiểm soát nội bộ trong AIS**

Giới thiệu về môn học



Tài liệu:

- Accounting Information System (AIS)
- Chế độ kế toán doanh nghiệp (QĐ 15/2006)
 - Chế độ chứng từ, sổ kế toán, và báo cáo kế toán
- Kế toán tài chính (khoa Kế toán- ĐH KTQD)
- Các chuẩn mực kế toán Việt nam
- Các tài liệu kế toán khác liên quan

Đánh giá



- ❖ Thời gian dự lớp tối thiểu 80% số giờ quy định
- ❖ Làm bài tập về nhà
- ❖ Thảo luận trên lớp và nhóm
- ❖ Điểm học phần:
 - Điểm chuyên cần: 10%
 - Bài kiểm tra: 20%
 - Bài thi cuối kỳ: 70%

Chương 1: Tổng quan về AIS



- ❖ **Khái quát chung về hệ thống thông tin kế toán**
- ❖ **Nhược điểm của hệ thống kế toán truyền thống và yêu cầu vận dụng công nghệ thông tin vào AIS**
- ❖ **Nguyên tắc tổ chức hệ thống thông tin kế toán**

1. Khái quát chung về AIS



❖ **Hệ thống và các yếu tố cấu thành**

❖ **Hệ thống thông tin**

❖ **Hệ thống thông tin kế toán**

Hệ thống và các yếu tố cấu thành



❖ Hệ thống (System):

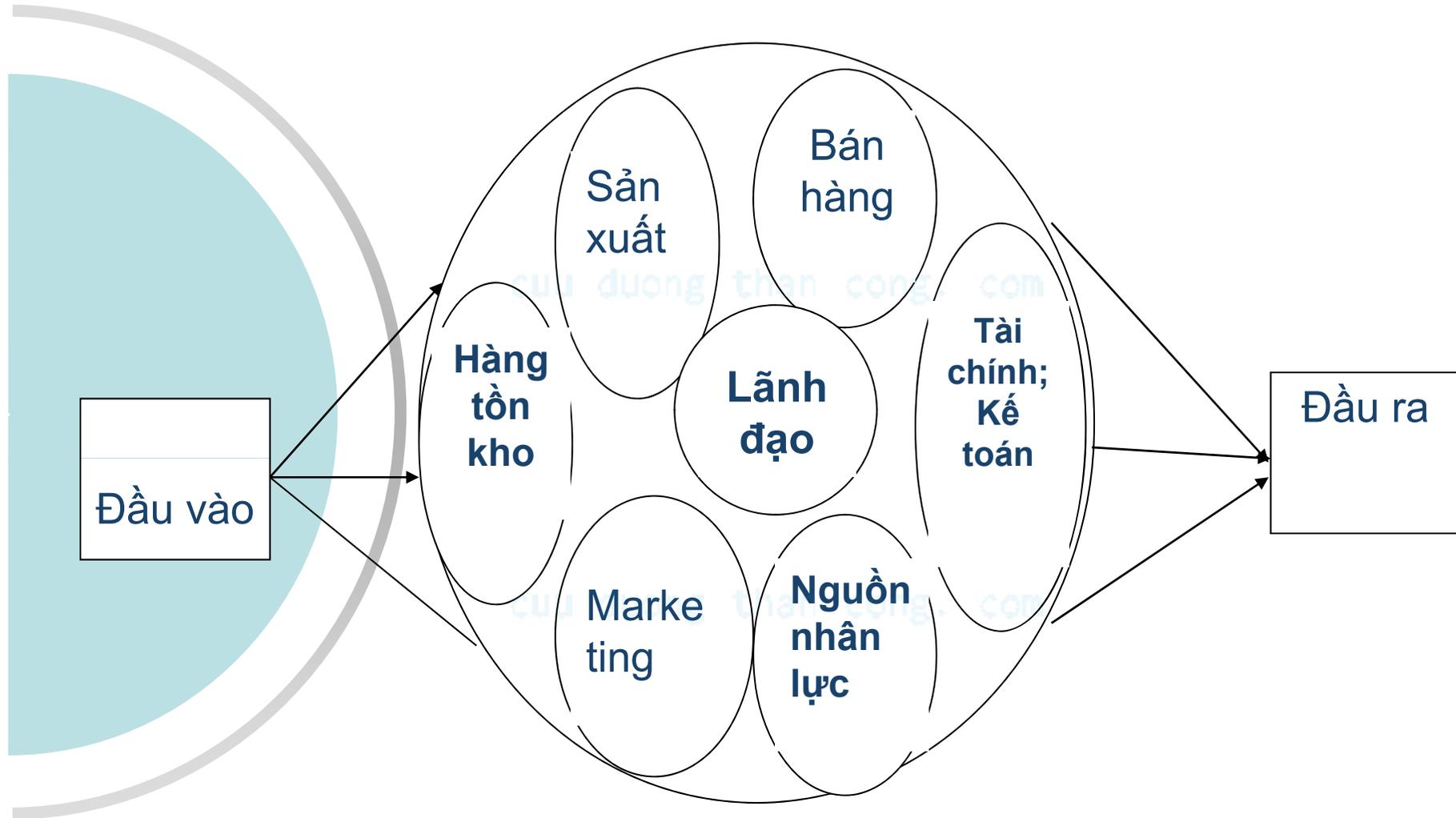
- Một hệ thống là một tập hợp gồm hai hoặc nhiều hơn các bộ phận có thể tương tác nhau để hoàn thành một mục tiêu.
- Một hệ thống bao gồm các bộ phận, mỗi bộ phận thực hiện một chức năng được giao và chúng được hỗ trợ bởi hệ thống cấu thành nên bộ phận con đó.
- Ba thành phần cơ bản của hệ thống:
 - Các yếu tố đầu vào (Inputs)
 - Xử lý, chế biến (Processing)
 - Các yếu tố đầu ra (Outputs)



❖ Hệ thống con:

- Là hệ thống nhưng là một thành phần của hệ thống khác.
- Một hệ thống con thuộc một hệ thống “lớn” nào đó nhưng nó lại chứa đựng các hệ thống con khác thực hiện những công việc khác nhau của hệ thống.

Hệ thống con



Các yếu tố thuộc hệ thống



❖ Những yếu tố của một hệ thống bao gồm

- **Mục đích:** lý do mà hệ thống tồn tại và là một tiêu chí được sử dụng khi đánh giá mức độ thành công của hệ thống?
- **Phạm vi:** Phạm vi của hệ thống nhằm xác định những gì nằm trong hệ thống và những gì nằm ngoài hệ thống.
- **Môi trường:** bao gồm tất cả những yếu tố nằm ngoài hệ thống
- **Đầu vào:** là những đối tượng và thông tin từ môi trường bên ngoài hệ thống đưa vào hệ thống.
- **Đầu ra:** là những đối tượng hoặc những thông tin được đưa từ hệ thống ra môi trường bên ngoài.

Hệ thống thông tin



❖ Khái niệm

❖ Phân loại hệ thống thông tin

❖ Các yếu tố cấu thành hệ thống thông tin

- Dữ liệu và thông tin
- Xử lý thông tin
- Lưu trữ thông tin
- Thông tin đầu ra

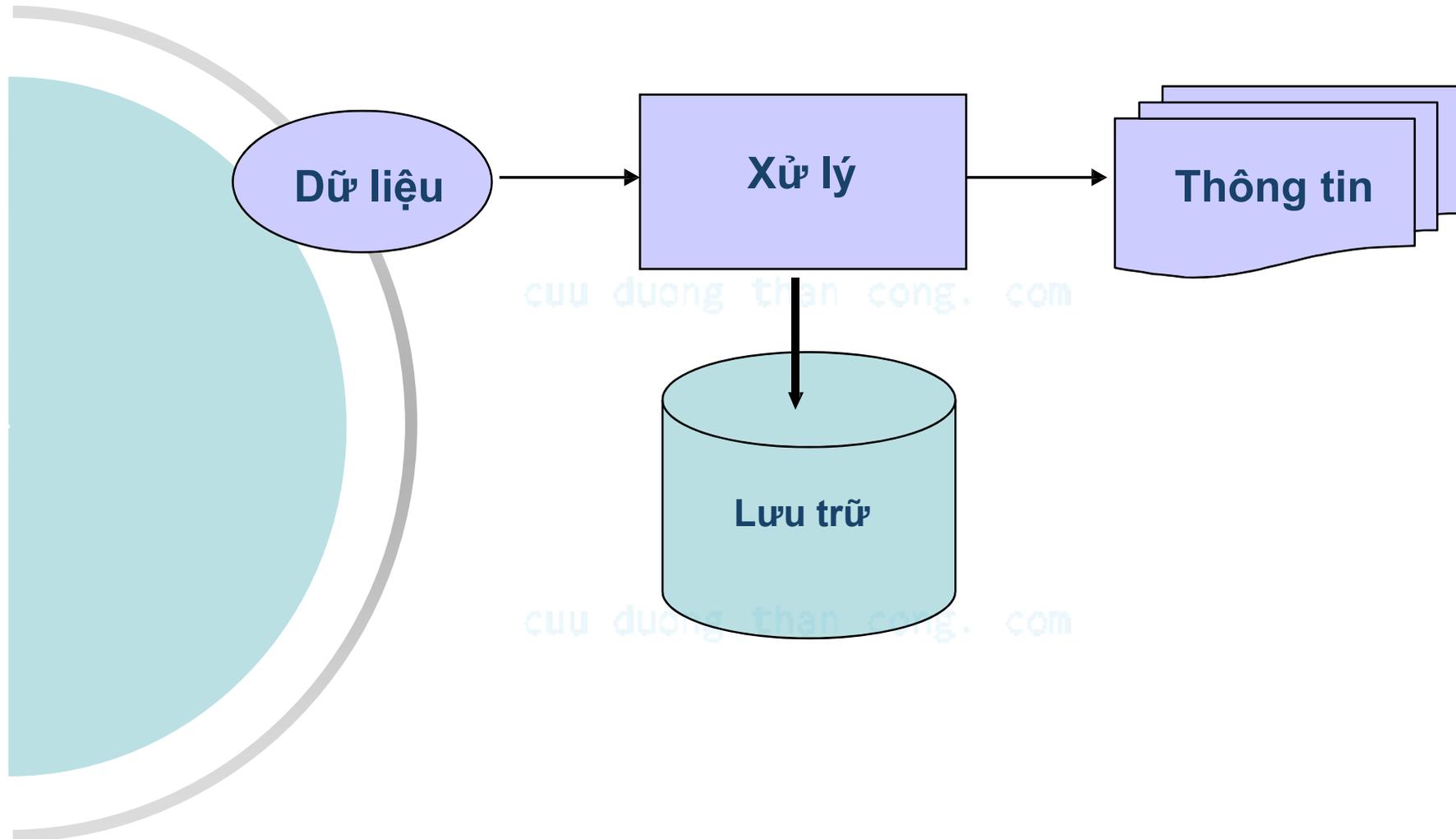
Hệ thống thông tin



❖ Các khái niệm:

- Hệ thống thông tin là hệ thống thu thập, xử lý, lưu trữ các dữ liệu để tạo thông tin hữu ích cho những người sử dụng liên quan
- Một hệ thống thông tin được xem là một bộ các hệ thống con có mối quan hệ với nhau, cùng thực hiện các công việc như thu thập, xử lý, lưu trữ, chuyển đổi và phân phối thông tin cho việc lập kế hoạch, đưa ra quyết định, và kiểm soát thông tin.
- Hệ thống thông tin giúp doanh nghiệp tạo ra thế cạnh tranh cho chính đơn vị mình.

Hệ thống thông tin



Hệ thống thông tin



❖ Dữ liệu (Data):

- Là những “thực tế” đã được thu thập, ghi nhận, và xử lý bởi hệ thống thông tin
- Dữ liệu thường là các quan sát hoặc đo lường về hoạt động của doanh nghiệp cần thiết cho người sử dụng thông tin.
- Trong các DN, một số loại dữ liệu cần phải thu thập gồm:
 - Các sự kiện liên quan đến các nghiệp vụ/hoạt động đã phát sinh
 - Các nguồn lực bị tác động bởi các nghiệp vụ/hoạt động
 - Các cá nhân tham gia vào hoạt động/nghiệp vụ



❖ Dữ liệu:

- Ví dụ: Dữ liệu về nghiệp vụ bán hàng:
 - Thời điểm bán
 - Giá bán
 - Chính sách chiết khấu
 - Chính sách tín dụng
 - Số lượng hàng bán
 - Các cá nhân liên quan đến nghiệp vụ bán hàng
 - Các thủ tục liên quan

Hệ thống thông tin



❖ Thông tin:

- Là dữ liệu đã được tổ chức và xử lý để có ý nghĩa cho người sử dụng nhằm đưa ra các quyết định kinh doanh.
- Người dùng có thể đưa ra quyết định tốt hơn khi số lượng và chất lượng thông tin được nâng lên.
 - Thông tin quá nhiều có thể gây nhiễu
- Giá trị của thông tin (value of information): Là lợi ích được tạo ra bởi thông tin sau khi trừ đi phần hao phí bỏ ra để có được thông tin đó.
- Thông tin về DN có thể được cung cấp cho nội bộ và ngoài doanh nghiệp. Thông tin bao gồm: Bên trong/Bên ngoài

❖ Thông tin với người này là dữ liệu với người khác



❖ Xử lý thông tin là quá trình:

- Thu thập dữ liệu
- Phân loại dữ liệu
- Tổng hợp dữ liệu
- Lưu trữ dữ liệu
- Truyền tin

Quick check 1



Trong các đối tượng sau, khoản nào là thông tin, không phải là dữ liệu?

- A. Giá bán
- B. Mã khách hàng
- C. Lợi nhuận thuần
- D. Tên nhân viên

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

Quick check 1



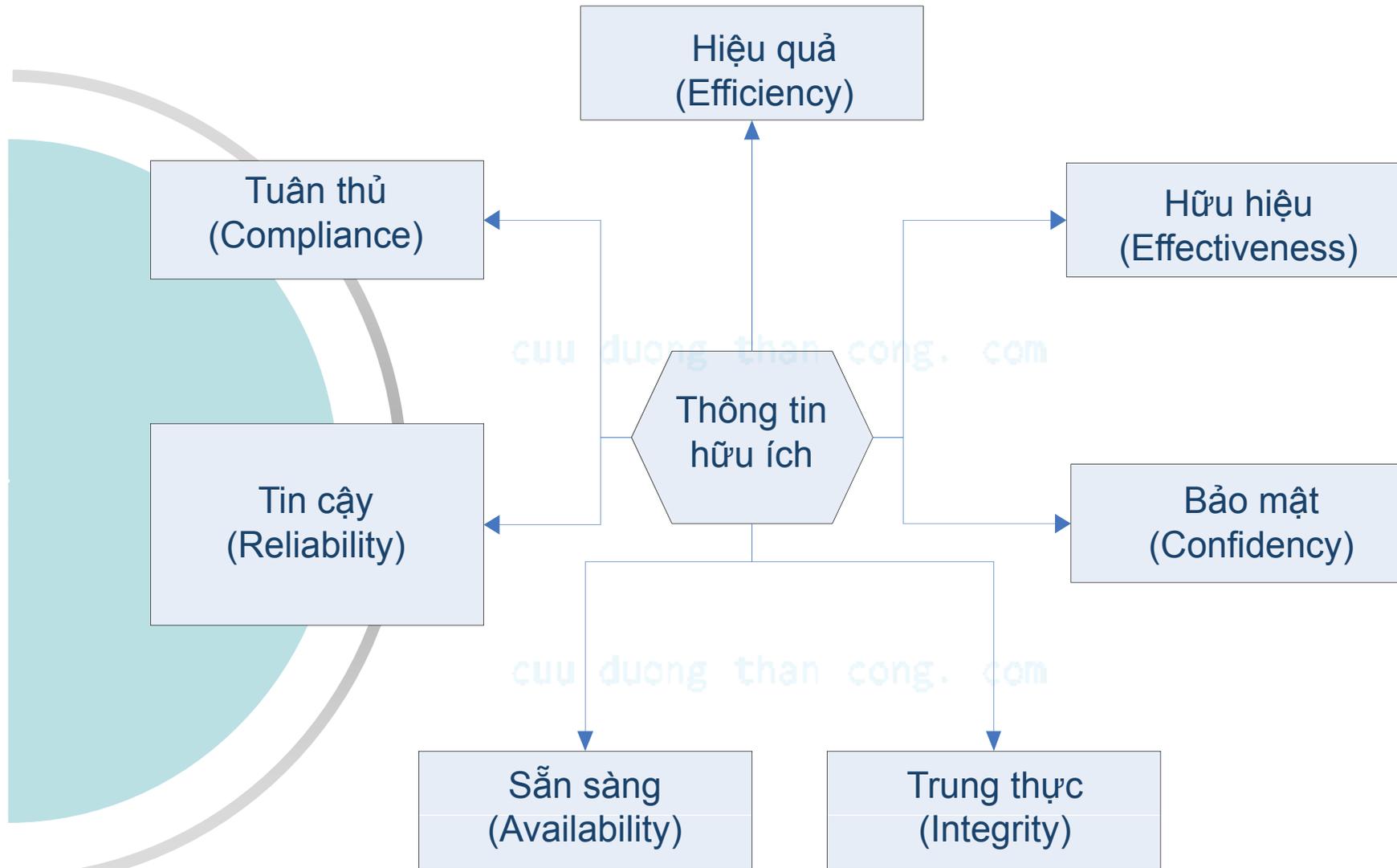
Trong các đối tượng sau, cái nào là thông tin, không phải là dữ liệu?

- A. Giá bán
- B. Mã khách hàng
- C. Lợi nhuận thuần**
- D. Tên nhân viên

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

Thông tin hữu ích



Phân loại hệ thống thông tin



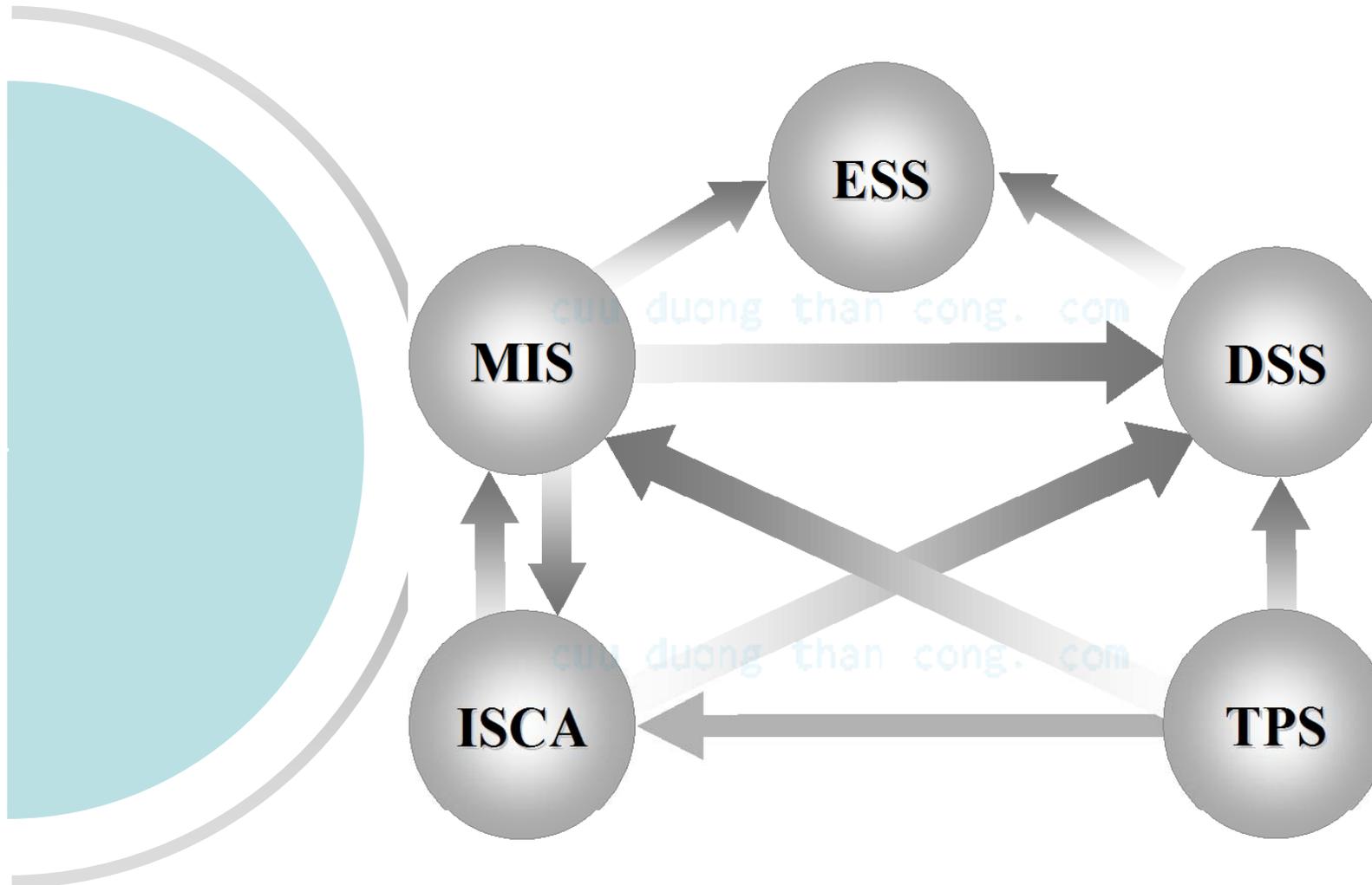
➤ Theo mục đích phục vụ của thông tin đầu ra:

- Hệ thống xử lý giao dịch
- Hệ thống thông tin quản lý
- Hệ thống trợ giúp ra quyết định
- Hệ thống chuyên gia
- Hệ thống tăng cường khả năng cạnh tranh.

➤ Theo nghiệp vụ mà HTTTQL phục vụ:

- tài chính,
- nhân lực,
- marketing,
- sản xuất kinh doanh,....

Phân loại theo mục đích phục vụ của thông tin đầu ra



Phân loại HTTT theo mục đích phục vụ



❖ Hệ xử lý giao dịch (*Transaction Processing Systems, TPS*)

- Xử lý các giao dịch mà tổ chức thực hiện hoặc với khách hàng, nhà cung cấp... hoặc với nhân viên của tổ chức đó.
- Trợ giúp các hoạt động ở mức tác nghiệp như: trả lương, lập đơn đặt hàng, làm hoá đơn, theo dõi khách hàng...
- Các công việc chính: nhận dữ liệu, nhập dữ liệu, lưu dữ liệu vào CSDL, tính toán hoặc thao tác trên dữ liệu và phát sinh các báo cáo thống kê.
- Các đặc tính chung: liên kết chặt chẽ với các chuẩn và quy trình chuẩn, thao tác trên dữ liệu chi tiết, diễn tả đúng những gì đã xảy ra, cung cấp một vài thông tin quản lý đơn giản.

Phân loại HTTT theo mục đích phục vụ



❖ HTTT tăng cường khả năng cạnh tranh (*Information System for Competitive Advantage, ISCA*)

- Được sử dụng như một trợ giúp chiến lược, cho phép tổ chức thành công trong việc đối đầu với các lực lượng cạnh tranh
- Được thiết kế cho những người sử dụng là những người ngoài tổ chức: khách hàng, một nhà cung cấp, tổ chức khác của cùng ngành...

Phân loại HTTT theo mục đích phục vụ



❖ HTTT quản lý (*Management Information Systems, MIS*)

- Trợ giúp các hoạt động quản lý của tổ chức ở mức điều khiển tác nghiệp, điều khiển quản lý hoặc lập kế hoạch chiến lược.
- Tạo ra các báo cáo cho các nhà quản lý một cách định kỳ hoặc theo yêu cầu
- Nguồn thông tin: các CSDL được tạo ra bởi các hệ xử lý giao dịch, các nguồn dữ liệu ngoài tổ chức.
- MIS hướng đến hỗ trợ thông tin toàn diện cho tất cả những ai cần và được phép sử dụng thông tin của tổ chức.

Phân loại HTTT theo mục đích phục vụ



❖ Hệ thống trợ giúp ra quyết định (*Decision Support Systems, DSS*)

- Trợ giúp các hoạt động ra quyết định - là một quy trình được tạo thành từ ba giai đoạn: Xác định vấn đề, xây dựng và đánh giá các phương án giải quyết và lựa chọn một phương án.
- Là hệ thống đối thoại có khả năng tiếp cận một hoặc nhiều CSDL và sử dụng một hoặc nhiều mô hình để biểu diễn và đánh giá tình hình.

Phân loại HTTT theo mục đích phục vụ



❖ Hệ thống chuyên gia (*Expert Support Systems, ESS*)

- Nhằm biểu diễn bằng các công cụ tin học những *tri thức của một chuyên gia về một lĩnh vực nào đó.*
- Dùng để phân tích thông tin quan trọng dưới dạng tổng quát :
 - hiệu quả và năng lực của tổ chức
 - thị hiếu của khách hàng
 - các hoạt động của các đối thủ cạnh tranh
 - năng lực của các nhà cung cấp...
- Cung cấp các phương tiện hỗ trợ ra quyết định chiến lược cho những nhà điều hành cấp cao nhất (CEO)

Phân loại hệ thống thông tin



❖ Phân loại HTTTQL theo bộ phận nghiệp vụ:

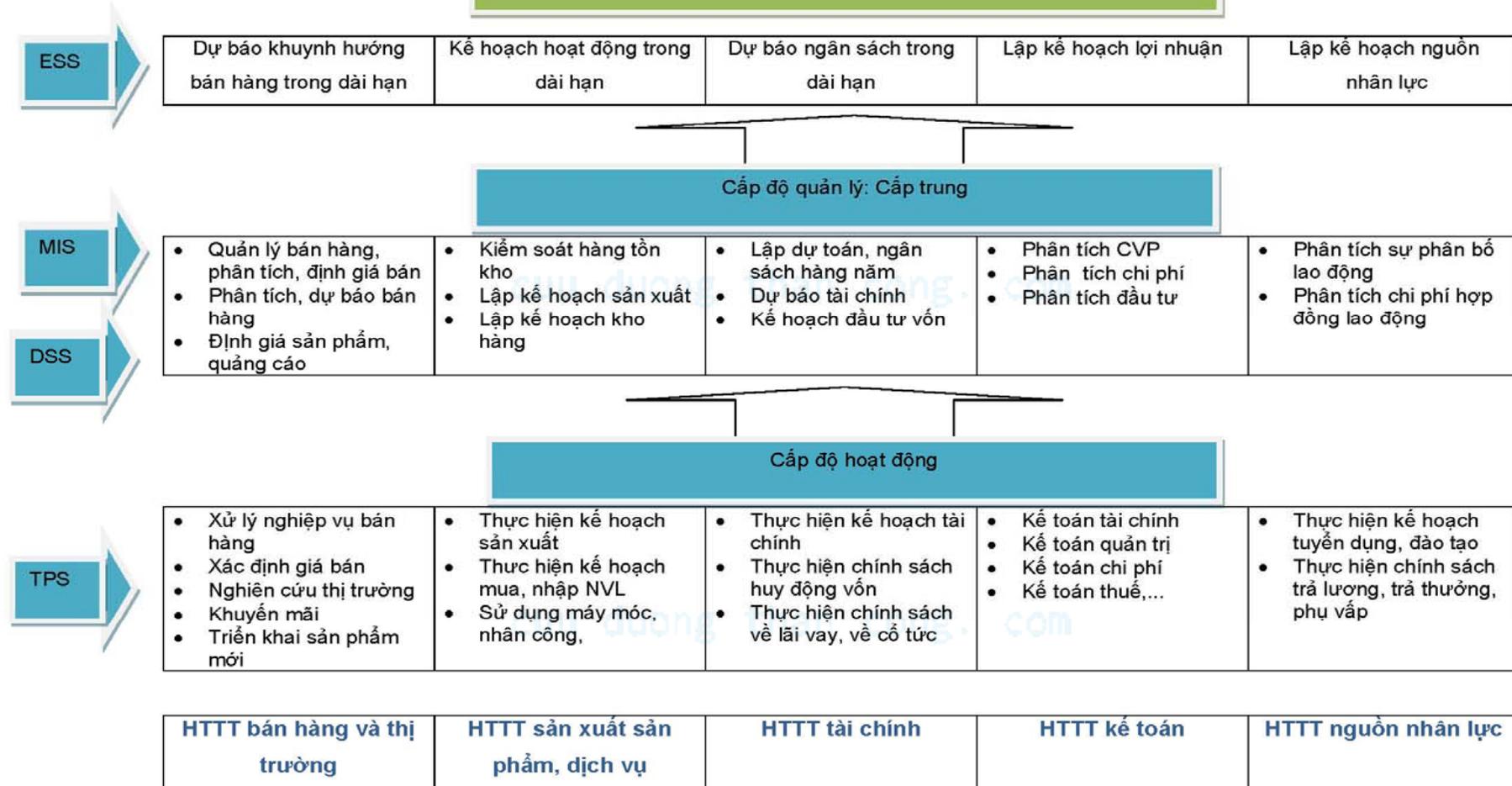
➤ Theo cách phân loại này, mỗi dạng hệ thống thông tin sẽ được gọi theo tên chức năng nghiệp vụ mà chúng hỗ trợ trong cả cấp tác nghiệp, cấp chiến thuật và cấp chiến lược.

- Hệ thống thông tin quản lý bán hàng và marketing,
- Hệ thống thông tin tài chính.
- Hệ thống thông tin kế toán
- Hệ thống thông tin quản lý nhân sự

Phân loại HTTT



CẤP ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP (CẤP CAO)



Hệ thống thông tin kế toán (AIS)



- ❖ **Khái niệm AIS và các yếu tố cấu thành**
- ❖ **AIS và các chu trình kinh doanh**
- ❖ **Chu trình xử lý thông tin kế toán**
- ❖ **Vai trò của AIS**

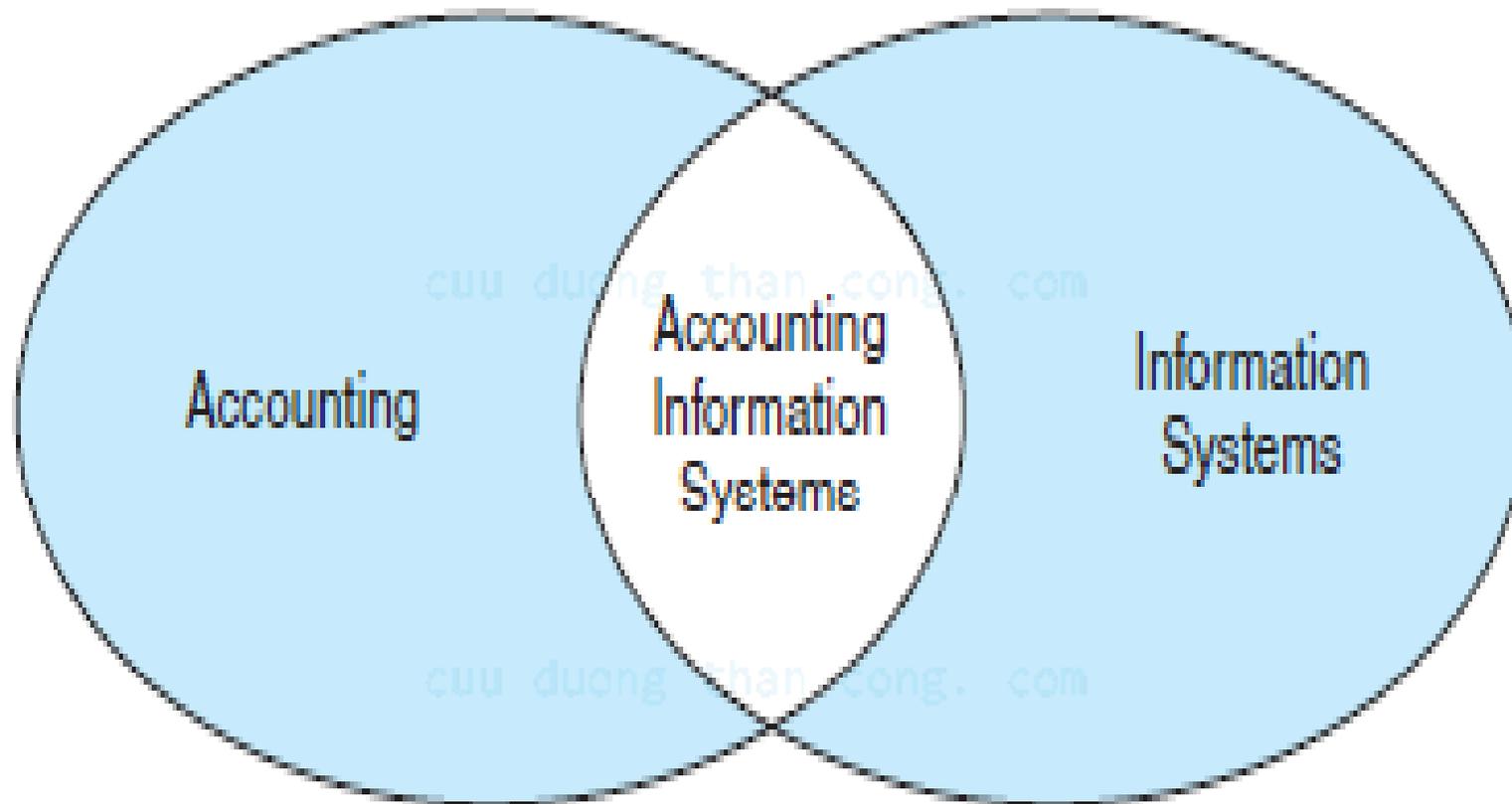
Khái niệm về AIS



❖ AIS: là một hệ thống thu thập, ghi chép, lưu trữ và xử lý các dữ liệu thành thông tin cho người ra quyết định kinh doanh.



Hệ thống thông tin và HT thông tin kế toán



Khái niệm về AIS



❖ Một AIS có thể là:

- Hệ thống kế toán thủ công với bút mực, chứng từ, sổ sách,...
- Hệ thống kế toán với máy tính
- Hệ thống kết hợp kế toán thủ công và kế toán máy

❖ Bất kỳ hệ thống nào được sử dụng cũng bao gồm các công việc thu thập, lưu trữ, xử lý,...

- Hệ thống bút, chứng từ, sổ sách hay hệ thống máy tính với hardware và software đều là phương tiện để sản xuất thông tin

Khái niệm về AIS



❖ Một AIS sử dụng kế toán máy bao gồm các thành phần sau:

- Nhân sự: người điều khiển hệ thống và thực hiện các chức năng khác nhau
- Các trình tự, thủ tục sử dụng trong việc thu thập, xử lý, lưu trữ thông tin về các hoạt động của doanh nghiệp (Lưu đồ)
- Dữ liệu về tổ chức và quá trình xử lý
- Phần mềm để xử lý dữ liệu của tổ chức
- Trang thiết bị công nghệ [than cong. com](https://www.thancong.com)
- Kiểm soát nội bộ và các phương thức an toàn tài liệu

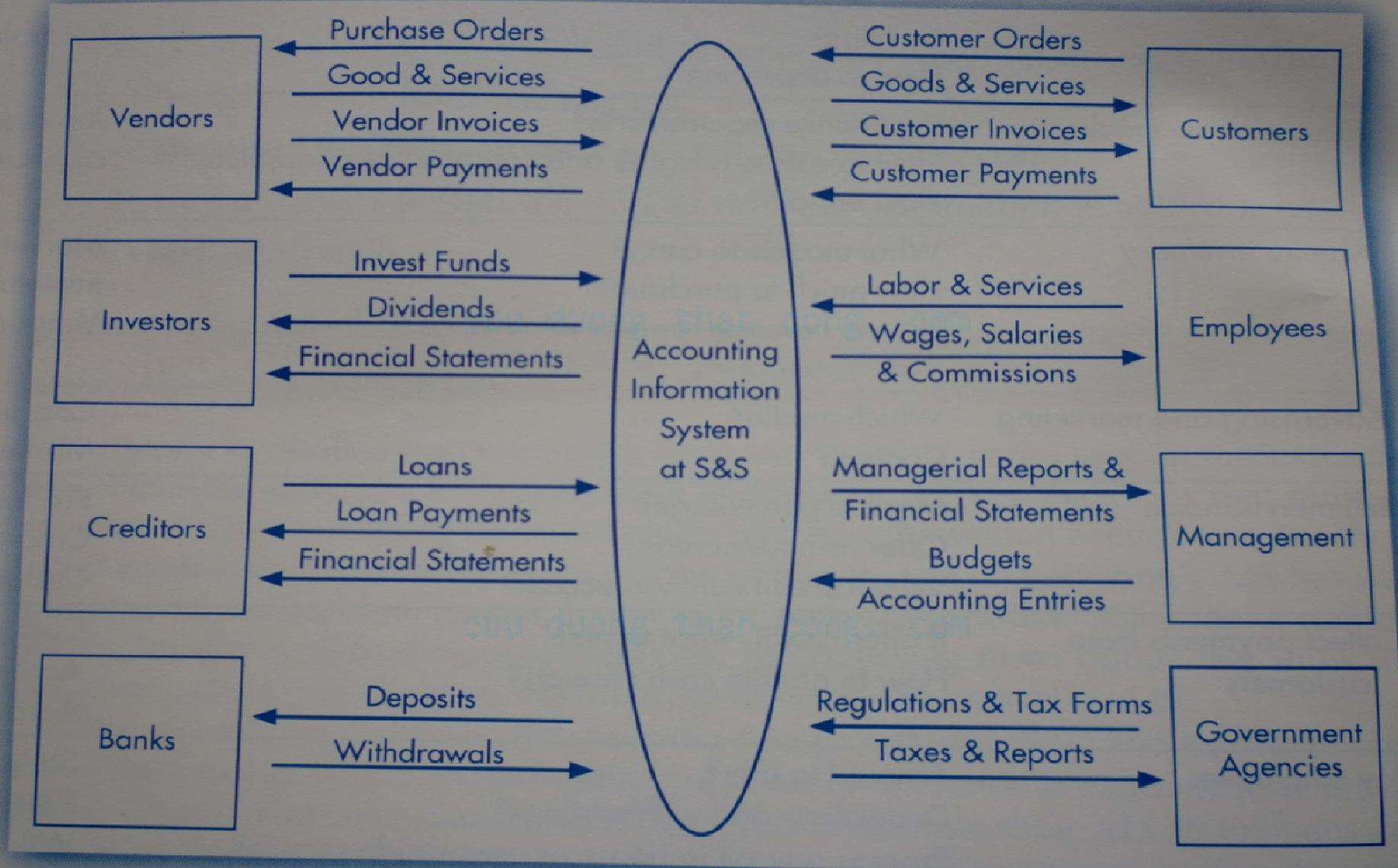
Khái niệm về AIS



❖ 6 thành phần nêu trên sẽ đảm bảo cho AIS thực hiện được ba chức năng:

- Thu thập và lưu trữ về các hoạt động của doanh nghiệp, các nguồn lực và nhân sự liên quan
- Chuyển đổi dữ liệu sang thành thông tin hữu ích cho người sử dụng để đưa ra các quyết định kinh doanh
- Cung cấp các cách thức kiểm soát và an ninh về tài sản, về thông tin nhằm làm cho dữ liệu luôn sẵn có, chính xác, và tin cậy.

Các hoạt động của DN



Các hoạt động của DN



❖ Các hoạt động trên được nhóm vào các chu trình sau:

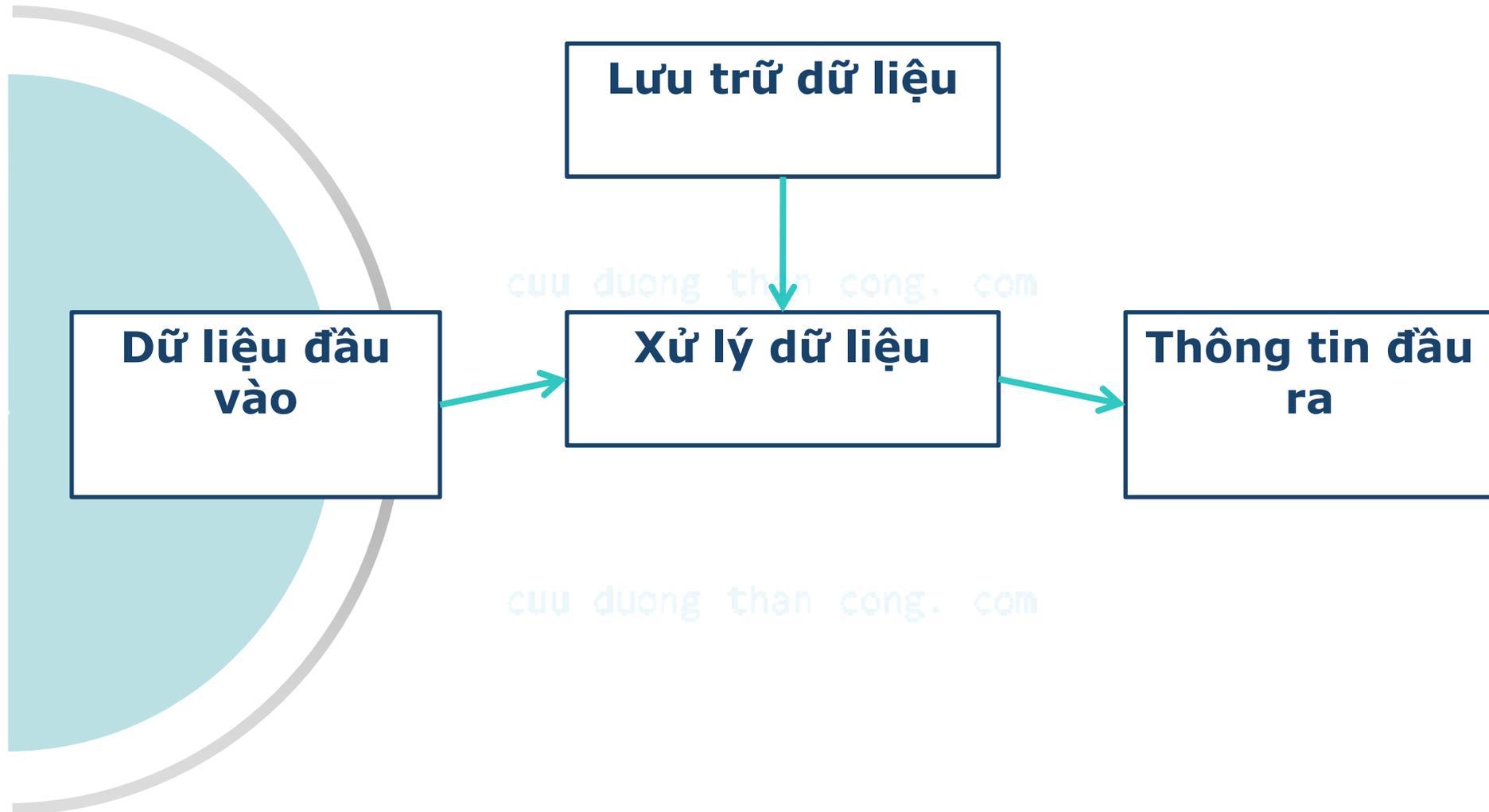
- Chu trình bán hàng
- Chu trình chi tiêu (mua hàng)
- Chu trình sản xuất
- Chu trình với người lao động
- Chu trình tài chính

Chu trình xử lý dữ liệu



- ❖ **Nhập dữ liệu**
- ❖ **Lưu trữ dữ liệu**
- ❖ **Phân tích, xử lý số liệu**
- ❖ **Chiết xuất thông tin đầu ra**

Chu trình xử lý dữ liệu



Chu trình xử lý dữ liệu



❖ Nhập dữ liệu:

- Là quá trình chụp lại từng nghiệp vụ phát sinh và đưa chúng vào hệ thống. Quá trình chụp lại nghiệp vụ được thực hiện khi nghiệp vụ phát sinh.
- Dữ liệu phải được thu thập theo các mặt sau của từng nghiệp vụ:
 - Những điểm quan trọng liên quan đến từng nghiệp vụ
 - Các nguồn lực bị ảnh hưởng do nghiệp vụ phát sinh
 - Các cá nhân liên quan đến từng nghiệp vụ

Nhập dữ liệu- Ví dụ



❖ **Nhiệm vụ doanh thu phát sinh:**

- Ngày tháng của nghiệp vụ
- Các cá nhân liên quan đến việc bán và kiểm soát quá trình bán hàng
- Hàng bán
- Số lượng hàng bán
- Giá bán niêm yết và giá bán thực hiện
- Tổng số tiền phát sinh của nghiệp vụ
- Họ tên, địa chỉ khách hàng
- Phương thức chuyển hàng, phương thức thanh toán, địa chỉ giao hàng

Nhập dữ liệu



❖ **Kế toán thủ công:**

- Việc chụp lại các nghiệp vụ được thực hiện trên chứng từ kế toán.
- Thông tin trên chứng từ được chuyển tiếp vào hệ thống sổ kế toán.

❖ **Kế toán máy:**

- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp được nhập thẳng vào máy tính thông qua màn hình máy tính.
- Màn hình máy tính cũng chứa đựng các thông tin cần thiết như trên bản chứng từ giấy.

Chu trình xử lý dữ liệu



❖ Lưu trữ dữ liệu:

- Dữ liệu của một doanh nghiệp là một trong những nguồn lực quan trọng.
- Kế toán viên cần thiết phải hiểu về:
 - Cách thức tổ chức dữ liệu và lưu trữ trong AIS
 - Cách thức truy cập dữ liệu
- Các phương tiện lưu trữ dữ liệu:
 - Sổ nhật ký
 - Sổ cái tài khoản
 - Kỹ thuật đánh số (coding technique)



❖ Các thuật ngữ theo hệ thống lưu trữ trên máy tính:

- Đối tượng lưu trữ (entity)
- Các thuộc tính lưu trữ (attributes)
- Trường (field) dữ liệu
- Bản ghi (record)
- Tập dữ liệu (file)
- Tập chủ (master file)



❖ Xử lý dữ liệu (Data processing):

- Cập nhật dữ liệu (Updating)
- Thay đổi dữ liệu (changing)
- Bổ sung thông tin (adding)
- Xóa thông tin (deleting)

Xử lý dữ liệu:



❖ Các phương thức cập nhật dữ liệu:

- Xử lý theo lô (batch processing):
 - Là quá trình cập nhật thông tin một cách định kỳ như cuối ngày, cuối tuần hay cuối tháng.
 - Nhược điểm: thông tin chỉ được cập nhật vào cuối mỗi kỳ đã định
 - Nên được áp dụng cho những nghiệp vụ như trả lương bởi sự phát sinh theo thời gian định kỳ.
- Xử lý theo thời gian thực (real-time processing):
 - Cập nhật ngay khi mỗi nghiệp vụ phát sinh
 - Chính xác của thông tin bởi hệ thống từ chối những nghiệp vụ sai sót.
 - Các sai sót được phát hiện ngay.
- Tại các nước phát triển, mô hình kết hợp được áp dụng phổ biến.



❖ Thông tin đầu ra của hệ thống:

- Các hình thức của thông tin đầu ra:
 - Các tài liệu/chứng từ kế toán
 - Các báo cáo kế toán tài chính và báo cáo quản trị
 - Giải đáp một vướng mắc
- Mục tiêu của thông tin đầu ra:
 - Phục vụ cho đối tượng bên trong doanh nghiệp
 - Phục vụ cho các đối tượng bên ngoài
 - Phục vụ cho mục tiêu thuế

AIS: Vai trò trong các tổ chức



❖ Kỹ nguyên thông tin

- Ảnh hưởng của công nghệ
- Sử dụng ít nhân lực hơn

❖ Lao động có trình độ

- Sản xuất, phân tích, diễn giải và truyền tải thông tin
- Tập trung vào các hoạt động kinh doanh

AIS: Vai trò trong các tổ chức



❖ Kinh doanh điện tử

- Thực hiện quá trình kinh doanh thông qua hệ thống internet
- Tầm quan trọng và sự phát triển được nâng cao

❖ Thương mại quốc tế (E-commerce)

- Là một bộ phận của kinh doanh điện tử
- Tập trung vào các nghiệp vụ mua và bán

Các vấn đề mới trong AIS



- ❖ Báo cáo về những điểm nghi vấn
- ❖ Chống lại các đe dọa khủng bố
- ❖ Các Scandals liên quan đến hệ thống kế toán
- ❖ Điều luật liên quan
 - Sarbanes-Oxley và Patriot

Báo cáo về những nghi vấn, sai phạm tiềm tàng



Rank	Suspicious Activity Type	Filings (Overall)	Percentage (Overall)
1	BSA/Structuring/Money Laundering	1,503,003	48.28%
2	Check Fraud	333,862	10.72%
3	Other	270,152	8.68%
4	Counterfeit Check	155,141	4.98%
5	Credit Card Fraud	154,506	4.96%
6	Mortgage Loan Fraud	113,071	3.63%
7	Check Kiting	101,107	3.25%
8	Identity Theft	69,325	2.23%
9	False Statement	67,902	2.18%
10	Defalcation/Embezzlement	63,392	2.04%
11	Unknown/Blank	63,069	2.03%
12	Consumer Loan Fraud	53,588	1.72%
13	Misuse of Position or Self Dealing	30,899	0.99%
14	Wire Transfer Fraud	29,574	0.95%
15	Mysterious Disappearance	26,465	0.85%
16	Debit Card Fraud	17,480	0.56%
17	Commercial Loan Fraud	16,524	0.53%
18	Counterfeit Instrument (Other)	13,542	0.43%
19	Computer Intrusions	12,307	0.40%
20	Counterfeit Credit/Debit Card	12,177	0.39%
21	Terrorist Financing	3,178	0.10%
22	Bribery/Gratuity	2,932	0.09%
	Total:	3,113,196	100.00%

Các Scandals và AIS



❖ Enron (2001)

- Ngụy tạo các thông tin kế toán
- Ghi giảm công nợ, ghi tăng thu nhập

❖ Bernard Madoff (2008)

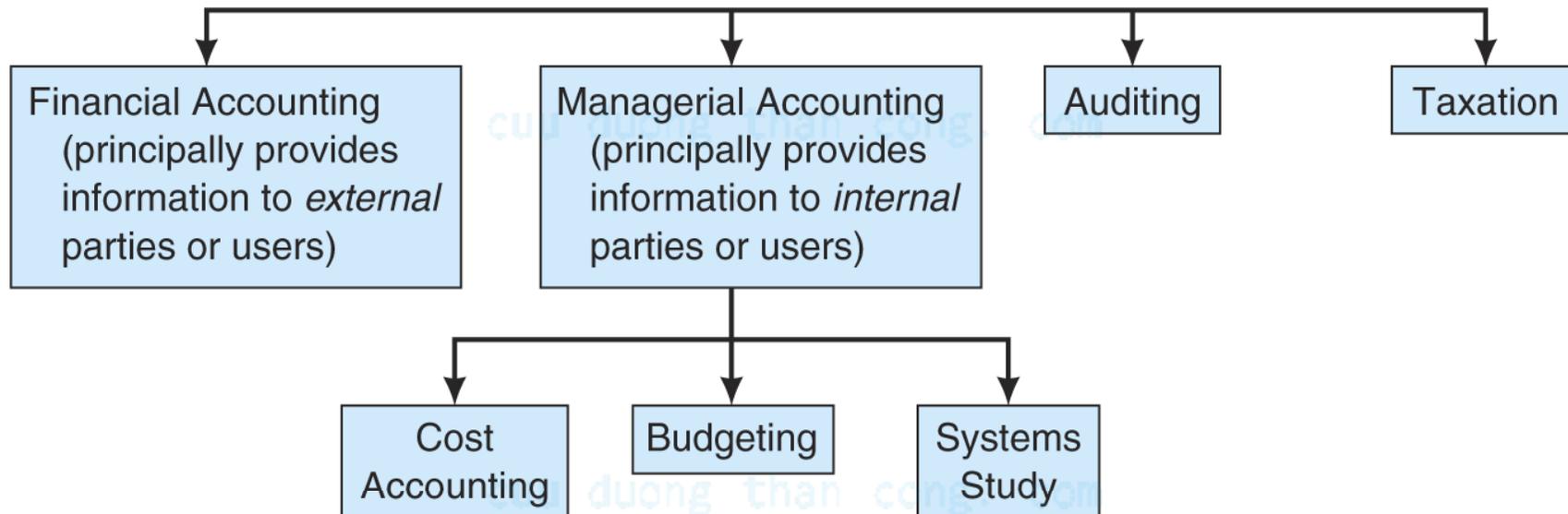
- Là quản lý quỹ đầu tư Investment fund manager
- Chiến lược Ponzi
- Lỗ \$50 tỷ

Điều luật Sarbanes-Oxley-2002



- ❖ **CEOs phải xác nhận tính chính xác và đầy đủ của các báo cáo tài chính**
- ❖ **Các công ty đại chúng phải thuê các kiểm toán viên độc lập và mới để kiểm toán các quy trình kiểm soát nội bộ**

Kế toán và công nghệ thông tin



Kế toán tài chính



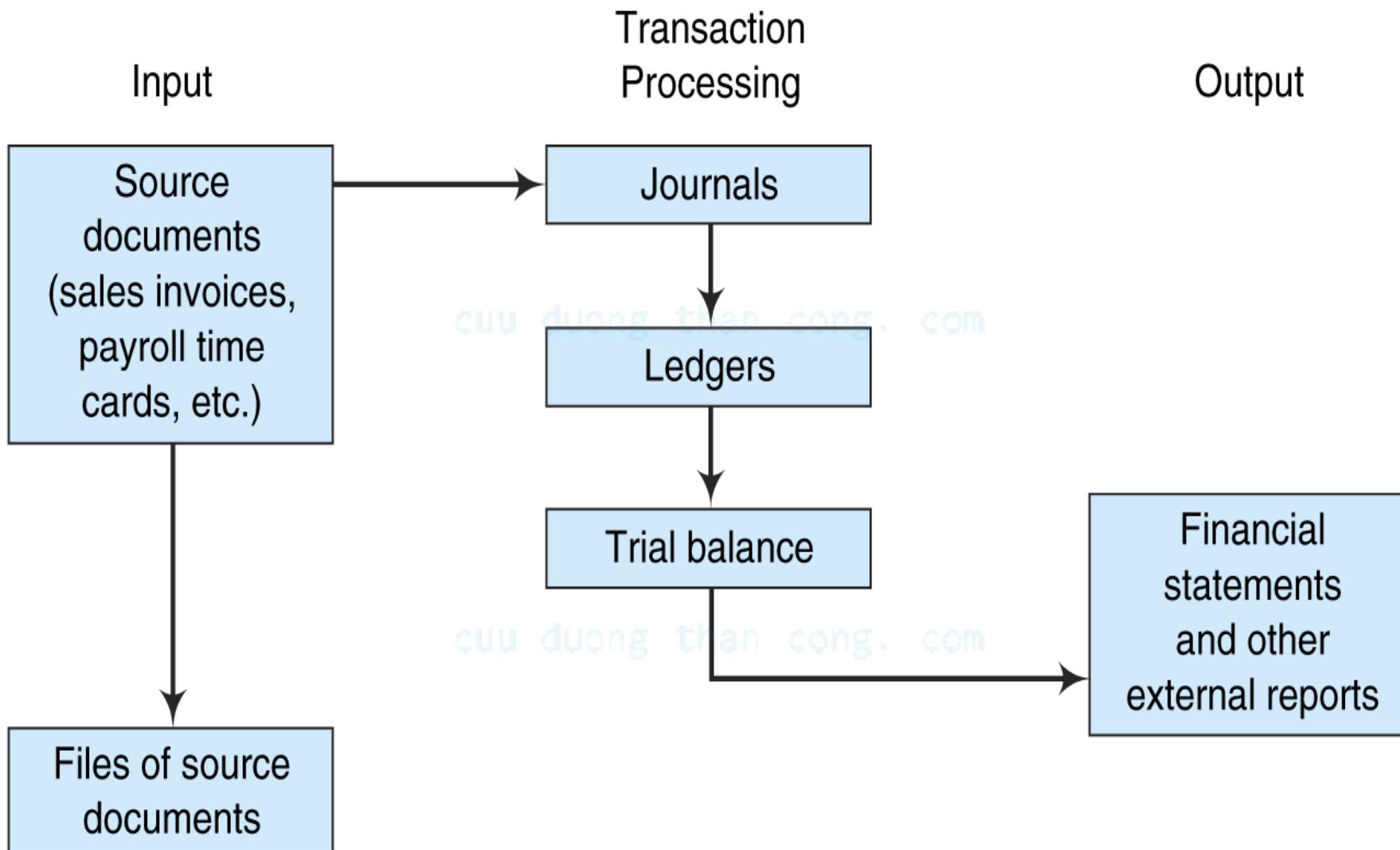
❖ Mục tiêu của kế toán tài chính

- Cung cấp thông tin phù hợp
- Phục vụ cho các đối tượng bên ngoài (Investors, Creditors)
- Thông qua hệ thống báo cáo tài chính

❖ Dấu vết kiểm tra (Audit Trail)

- Theo dõi chu trình kế toán
- Dữ liệu từ đầu vào cho đến đầu ra

Kiểm tra một chu trình kế toán tài chính



Kế toán tài chính



❖ Các dữ liệu phi tài chính

- Kế toán các nguồn lực, các sự kiện, các đại diện (REA)

❖ Báo cáo thời gian thực

❖ Dữ liệu tương tác và XBRL

- Dữ liệu sử dụng lại và sử dụng cho nhiều bộ phận
- Dữ liệu gắn mã sẵn

Kế toán quản trị



- **Mục tiêu**

- Cung cấp các thông tin phù hợp
- Đối tượng sử dụng thông tin bên trong doanh nghiệp

- **Các bộ phận cấu thành**

- Kế toán chi phí
- Dự toán

Các đặc trưng của kế toán quản trị



- Managerial accounting focuses on providing accounting information for internal parties, such as management, rather than for external investors and creditors.
- Managerial accounting information is mostly forward-looking.
- Managerial accounting information is not regulated by generally accepted accounting principles, nor is it mandatory to prepare it.
- Managerial accounting reports include both non-monetary and financial data.
- Managerial accounting is influenced by many business and non-business disciplines, such as economics, behavioral science, and quantitative methods.
- Managerial accounting information is flexible and frequently involves non-routine reporting.

Kế toán chi phí



- **Đo lường và kiểm soát chi phí liên quan đến**
 - Hoạt động mua bán, phân phối, bán hàng
- **Ví dụ AIS liên quan đến kế toán quản trị:**
 - Hệ thống ABC
 - Đo lường hiệu quả hoạt động

Hệ thống ABC



- **Phân bổ chi phí sản xuất chung trong DN sản xuất**

- **Khó khăn:?????**

- **Ứng dụng AIS sẽ:**

- **Phân bổ dễ dàng hơn chi phí SX chung**

- **Lập kế hoạch dài hạn và ngắn hạn liên quan đến chi phí**



● Hệ thống kế toán trách nhiệm

- Gắn trách nhiệm cá nhân hoặc tổ chức với kết quả hoạt động.
- Thực hiện việc hoàn thiện của quản lý

cuu duong than cong. com

● Balanced Scorecard

- Hiệu quả hoạt động tài chính
- Hiểu biết khách hàng
- Các quy trình kinh doanh nội bộ
- Học tập và phát triển

cuu duong than cong. com

Lập dự toán



❖ Khái niệm

- Dự toán tài chính cho tương lai
- Thời gian ngắn và dài hạn

❖ Tính hữu ích:

- Kiểm soát, điều hành của nhà quản trị doanh nghiệp
- So sánh giữa kết quả thực tế và dự toán

Kiểm toán



❖ Vai trò truyền thống

- Đánh giá tính chính xác và đầy đủ của các báo cáo tài chính doanh nghiệp

❖ Vai trò hiện nay

- Đánh giá sự tuân thủ của khách hàng với hệ thống luật và chuẩn mực
- Đánh giá công nghệ và kiểm toán về tính an toàn, tính bí mật tài liệu,...
- Tư vấn quản lý

Hệ thống thuế



❖ Phần mềm kê khai thuế

- Tạo lập và đánh giá chính sách thuế
- Truyền dữ liệu, nộp báo cáo thuế

❖ Ứng dụng nghề nghiệp

- Nghiên cứu về những nghiệp vụ kế toán, thuế mới
- Truy cập các thông tin cập nhật
- Truy cập hệ thống dữ liệu chung

Nghề nghiệp trong AIS



❖ Tư vấn hệ thống

- Thiết kế các hệ thống và các quy trình mang tính công nghệ
- Lựa chọn hệ thống phần cứng và phần mềm
- Giá trị gia tăng qua các quá trình bán lại (VARs)



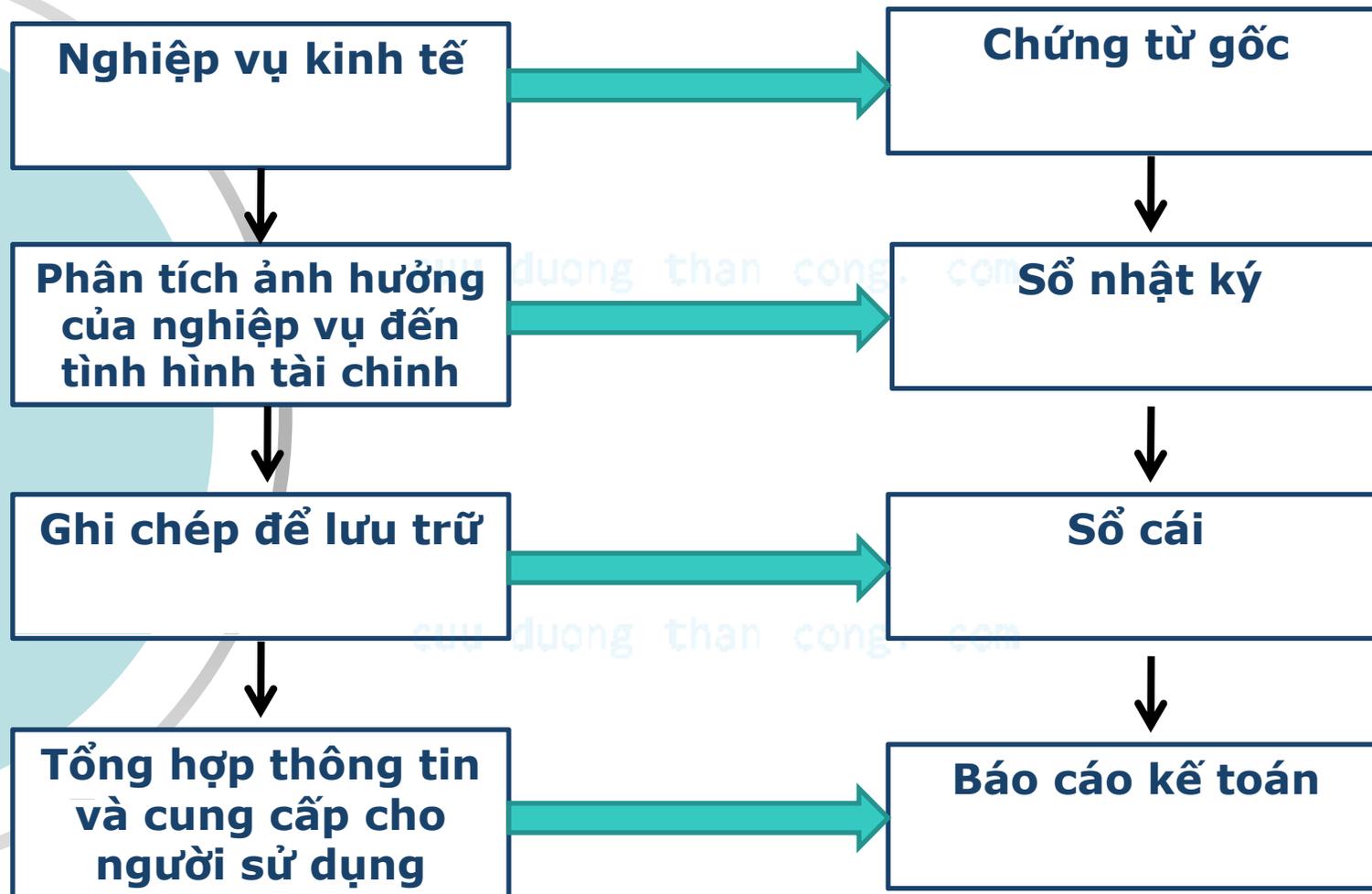
❖ Kiểm soát và bảo mật hệ thống thông tin

- Phân tích rủi ro với hệ thống thông tin
- Trợ giúp kiểm toán viên trong việc đánh giá kiểm soát
- Chứng nhận kiểm toán viên hệ thống thông tin (CISAs)
- Đánh giá, kiểm tra quá trình xâm nhập

2. Hệ thống thông tin kế toán truyền thống



❖ Quy trình xử lý dữ liệu:



Hệ thống thông tin kế toán truyền thống



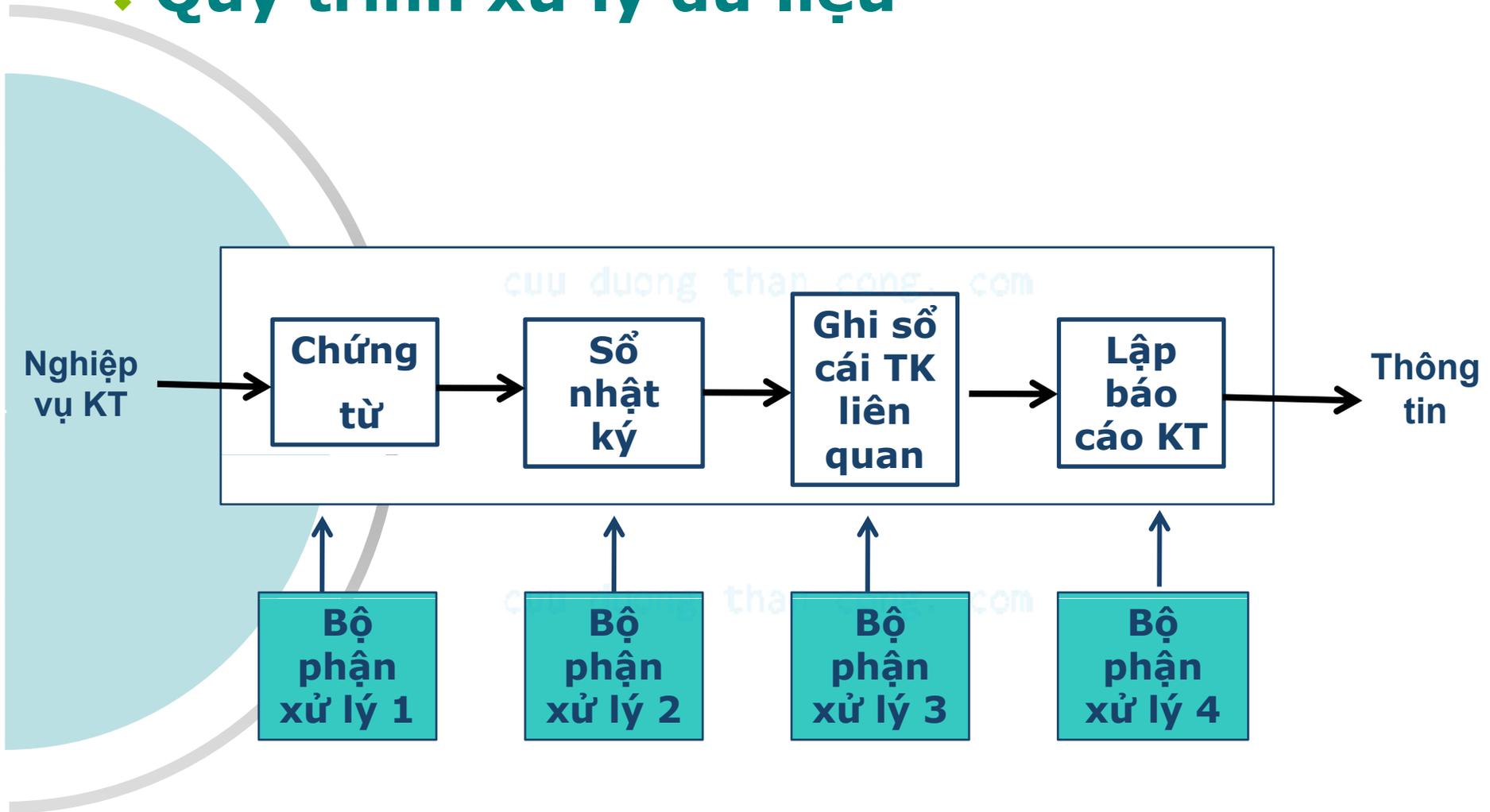
❖ Dữ liệu:

- Tập trung dữ liệu liên quan đến tình hình tài chính
- Dữ liệu tài chính được lưu trữ trên sổ kế toán theo từng đối tượng và theo thời gian
- Dữ liệu được chia sẻ chung cho nhiều đối tượng qua bộ phận tài chính, kế toán

Hệ thống thông tin kế toán truyền thống



❖ Quy trình xử lý dữ liệu



HTTT kế toán truyền thống



❖ **Nhược điểm:**

- Dữ liệu ghi chép và lưu trữ:
 - Dữ liệu lưu trữ trùng lặp
 - Ghi chép dữ liệu trùng lặp
 - Dữ liệu lưu trữ phân tán
- **Dẫn đến** chia sẻ thông tin, dữ liệu khó khăn và tốn nhiều thời gian

HTTT kế toán truyền thống



❖ Nhược điểm:

- Thông tin cung cấp:
 - Chủ yếu là thông tin tài chính
 - Mức độ chi tiết thông tin chưa sâu
 - Thời gian cung cấp thông tin chậm, thiếu tính cập nhật
 - Khó lập các báo cáo linh hoạt theo nhiều tiêu thức khác nhau. Do vậy không đáp ứng được thông tin cho nhiều đối tượng khác nhau
- Thông tin phải do người ghi chép dữ liệu lập



❖ **Giai đoạn 1: Đầu những năm 1960:**

- Hệ thống thông tin chưa phát triển
- IT mới chỉ sử dụng vào một số nghiệp vụ hoặc đối tượng có sự tính toán nhiều
- Chưa có sự gắn kết giữa dữ liệu và chương trình xử lý



❖ Giai đoạn 2: Những năm 1970-1980

- Phạm vi áp dụng IT vào kế toán được mở rộng, cung cấp một số thông tin hữu ích bên cạnh các thông tin tài chính (truyền thống)
- Ứng dụng IT vào một số vùng xử lý khác như sản xuất, marketing
- Chi phí đầu tư vào CNTT lớn hơn và mang lại hiệu quả cao hơn
- Database và mạng ra đời. Sự độc lập dữ liệu và chương trình cao.



❖ Giai đoạn 3: Cuối những năm 1980

- Sử dụng phổ biến hệ quản trị cơ sở dữ liệu
- Mô hình tổ chức kế toán được xây dựng một cách rõ ràng
- Hệ thống mạng máy tính được áp dụng và dần phát triển nhanh



❖ Các mức độ ứng dụng IT trong kế toán:

- Xử lý bán thủ công: Máy tính trợ giúp kế toán-Excel
- Tự động xử lý kế toán
 - Chứng từ giấy, nhập dữ liệu từ chứng từ vào máy
 - Tự động xử lý số liệu, tạo báo cáo cần thiết
 - Dữ liệu không được chia sẻ ra bên ngoài phòng kế toán

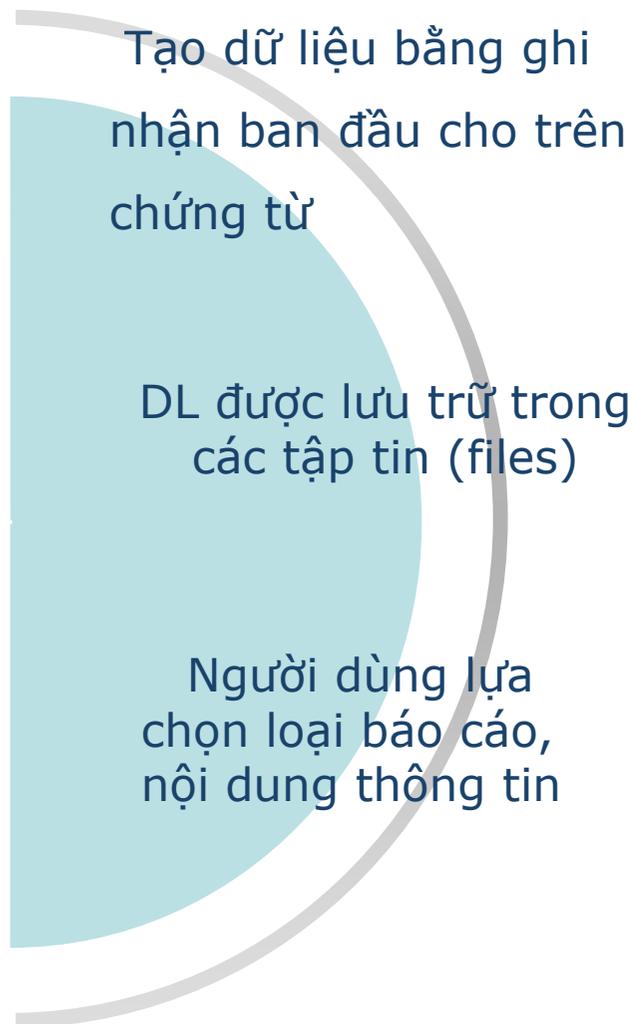
Sự vận dụng IT vào hệ thống kế toán



❖ Các mức độ ứng dụng IT trong kế toán:

- Tự động hoạt động quản lý (ERP: Enterprise Resource Planning System)
 - Sử dụng mạng máy tính xử lý
 - Tích hợp các chức năng kế toán, marketing, nhân sự, sản xuất, lập kế hoạch,...
 - Các phần mềm quản lý đều có thể chia sẻ dữ liệu. Các phòng ban đều có thể chia sẻ dữ liệu với các phòng ban, bộ phận khác trong doanh nghiệp
 - Dữ liệu được nhập từ nhiều nguồn: Bộ phận, kế toán, hệ thống nhập liệu thông thường, mạng EDI, chứng từ điện tử

AIS xử lý bằng máy



Nghiệp vụ kinh tế

Chứng từ gốc

Cơ sở dữ liệu

Báo cáo kế toán

Nguyên tắc tổ chức AIS



- ❖ Nguyên tắc thống nhất
- ❖ Nguyên tắc phù hợp
- ❖ Nguyên tắc chuẩn mực
- ❖ Nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả

3. NGUYÊN TẮC CHUNG CỦA TỔ CHỨC AIS



❖ Nguyên tắc thống nhất:

- Mục tiêu: thông tin có chất lượng và hữu ích cao
- Yêu cầu:
 - Thống nhất giữa đơn vị kế toán và đơn vị quản lý
 - Thống nhất về chỉ tiêu kế toán và chỉ tiêu quản lý
 - Thống nhất trong hệ thống kế toán:
 - Hệ thống chỉ tiêu
 - Phương pháp tính toán,
 - Cách thức ghi chép...



❖ Nguyên tắc đặc thù (phù hợp):

- Mục tiêu: tính ứng dụng cao của hệ thống kế toán
- Mô hình tổ chức kế toán phải thể hiện được tính đặc thù riêng của DN:
 - Loại hình hoạt động
 - Quy mô
 - Trình độ và khả năng quản lý
 - Phương tiện vật chất và trang thiết bị hiện có
 - Trình độ của kế toán



❖ Nguyên tắc chuẩn mực:

- Mục tiêu: hướng đến hình thông lệ quốc gia và quốc tế
- Yêu cầu của nguyên tắc:
 - Phải vận dụng các chuẩn mực kế toán
 - Phải có tính mở cho việc vận dụng tương lai

NGUYÊN TẮC CHUNG CỦA TỔ CHỨC HTKT



❖ Nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả:

- Mục tiêu: Hiệu quả về cung cấp thông tin và tiết kiệm hao phí
- Yêu cầu:
 - Hiệu quả của hệ thống kế toán:
 - Đơn giản, dễ làm, dễ đối chiếu, dễ kiểm tra
 - Thông tin có tính chính xác, khách quan, đầy đủ, kịp thời, so sánh được.
 - Hiệu quả về mặt quản lý
 - Cung cấp thông tin cho quản lý
 - Tiết kiệm chi phí cho thực hành công tác kế toán